

Bản án số: 194/2019/HSST
Ngày 16/05/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1 Ông Phạm Lành

2. Ông Trần Quảng Thái

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Kim Oanh, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019 tại Hội trường, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 195/2018/TLST-HS, ngày 04 tháng 04 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2018/QĐXXST- HS ngày 02 tháng 5 năm 2019, đối với bị cáo:

Phạm Thị S, sinh ngày 12/7/1974.

HKTT: tổ D, phường QV, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên; Nơi cư trú: tổ L, phường TL, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Văn hóa: lớp 12/12; Nghề nghiệp: lao động tự do. Con ông Phạm Quang T và bà Hoàng Thị C, đều đã chết; có chồng là Nguyễn Văn T, có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, không bị giam giữ (có mặt tại phiên tòa).

* *Bị hại:* Ngân hàng TMCP C.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Minh N, sinh năm 1969 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

HKTT: Tổ K, phường QT, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên

Theo giấy ủy quyền thường xuyên tham gia tố tụng số 60/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 24/01/2019 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng C.

Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng C chi nhánh Thái Nguyên

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1970 (có mặt).

Trú tại: tổ L, phường TL, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974 (có mặt).

Nơi cư trú: tổ L, phường TL, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên

** Người làm chứng:*

1. Anh Đào Nguyên L, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Trú tại: Tổ V, phường QT, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên

2. Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Trú tại: Xóm G, xã H, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 07/2018, Phạm Thị S biết bà Nguyễn Thị Mai H, (là chị chồng của S) có một sổ tiết kiệm có kỳ hạn số CA041156XX mang tên Nguyễn Thị Mai H mở tại Ngân hàng TMCP C chi nhánh tỉnh Thái Nguyên (C Thái Nguyên) để ở ngăn tủ quần áo kê tại phòng ngủ của bà H. Vì tin tưởng là người thân trong gia đình nên bà H thường gửi chìa khóa nhà cho S để nhờ trông coi tài sản mỗi lúc đi vắng. Lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của bà H, S đã nảy sinh ý định lấy sổ tiết kiệm, chứng minh nhân dân của bà H đến C Thái Nguyên giả tên bà H để chiếm đoạt tiền của C Thái Nguyên bằng cách rút tiền có trong sổ tiết kiệm của bà H đem về chi tiêu cá nhân.

Sáng ngày 31/8/2018, bà H đem chìa khóa nhà gửi và nhờ S đến dọn dẹp nhà cửa. Lúc này, S mở cửa nhà bà H lấy chứng minh nhân dân, sổ tiết kiệm có kỳ hạn số CA041156XX của bà H đến phòng giao dịch Q - C Thái Nguyên, địa chỉ: tổ E, phường TL, thành phố TH gặp nhân viên ngân hàng là anh Đào Nguyên L. Khi đó, sổ tiết kiệm của bà H có số tiền gốc là 230.000.000 đồng, S sử dụng tên giả là Nguyễn Thị Mai H, đưa chứng minh nhân dân, sổ tiết kiệm của bà H yêu cầu anh L làm thủ tục cho S rút số tiền 40.000.000 đồng, còn lại 190.000.000 đồng S vẫn để trong tài khoản tiết kiệm. Qua kiểm tra ảnh trên chứng minh nhân dân và người thực tế đến rút tiền anh L thấy có nhiều nét tương đồng, đồng thời S đều sử dụng toàn bộ chữ ký khi thực hiện giao dịch là “Nguyễn Thị Mai H” nên anh L lầm tưởng S là bà Nguyễn Thị Mai H thực hiện các thanh toán trên. Kết thúc giao dịch, anh L giao cho S số tiền 40.017.000 đồng trong đó có 40.000.000 đồng là tiền gốc, 17.000 đồng là tiền lãi. S nhận tiền và tiêu xài cá nhân hết. Đối với chứng minh nhân dân và sổ tiết kiệm của bà H thì S để lại vị trí đã lấy, không bị ai phát hiện.

Sáng ngày 12/10/2018, bà H đi ra ngoài nên đem chìa khóa cửa đến gửi S. Với thủ đoạn tương tự như nêu trên, S lấy chứng minh nhân dân và sổ tiết kiệm của bà H đến trụ sở chính C Thái Nguyên, địa chỉ: Tổ K, phường H, thành phố TH, gặp nhân viên ngân hàng là chị Hoàng Thị T, yêu cầu chị T làm thủ tục cho S rút hết tiền còn lại trong sổ tiết kiệm của bà H. Quá trình giao dịch, S tiếp tục giới thiệu tên là Nguyễn Thị Mai H, ký toàn bộ chữ ký là “Nguyễn Thị Mai H”. Qua kiểm tra trên ảnh chứng minh nhân dân và ảnh thực tế của Phạm Thị S, chị T thấy có nhiều nét tương đồng nên lầm tưởng là bà Nguyễn Thị Mai H. Sau đó

chị T đã thực hiện tất toán cho S. Kết thúc giao dịch chị T giữ lại sổ tiết kiệm, giao toàn bộ số tiền là 195.153.000 đồng, trong đó có 190.000.000 đồng tiền gốc, 5.153.000 đồng là tiền lãi. S đem chứng minh nhân dân của bà H để lại tủ quần áo, còn số tiền đã chiếm đoạt được S cất giấu tại túi đựng quần áo để trong phòng ngủ của S để chi tiêu cá nhân.

Tối 13/10/2018, bà H sắp xếp đồ đạc trong tủ quần áo đã phát hiện Sổ tiết kiệm bị mất nên sáng ngày 15/10/2018, bà H đã làm đơn đến C Thái Nguyên đề nghị phong tỏa tài khoản thì được phía ngân hàng cho biết bà H đã thực hiện tất toán vào ngày 12/10/2018. Bà H yêu cầu C Thái Nguyên kiểm tra lại các giao dịch thì nghi ngờ Phạm Thị S là người đã giả danh là H đến ngân hàng rút tiền. Sau đó bà H cùng C Thái Nguyên làm đơn đến Công an tỉnh Thái Nguyên để được giải quyết.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 giấy Chứng minh nhân dân số 0905730XX mang tên Nguyễn Thị Mai H; 01 đĩa CD loại Maxcell MQ có 01 mặt màu vàng, chuyển theo hồ sơ vụ án.

- Số tiền 235.170.000 đồng và 01 Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số CA041156XX mang tên Nguyễn Thị Mai H; 01 Giấy lĩnh tiền đề ngày 31/8/2018 có chữ ký tại phần người rút tiền là Nguyễn Thị Mai H; 01 Giấy lĩnh tiền đề ngày 12/10/2018 có chữ ký tại phần người rút tiền là Nguyễn Thị Mai H. Hiện đã trả lại cho C Thái Nguyên quản lý. C Thái Nguyên đã trả lại số tiền trên cho bà H quản lý sử dụng

Phần dân sự: Ông Nguyễn Văn T (chồng của Phạm Thị S) là người giao nộp số tiền 235.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. C Thái Nguyên và bà Nguyễn Thị Mai H không có yêu cầu đề nghị gì khác. Ông T không yêu cầu đề nghị gì.

Tại bản cáo trạng số 196/KSĐT- KT ngày 01/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Phạm Thị S về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị S khai: bà Nguyễn Thị Mai H là chị chồng, bị cáo là em dâu. Bà H thường xuyên gửi chìa khóa nhà và nhờ bị cáo dọn dẹp nhà cửa. Bị cáo biết bà H có một sổ tiết kiệm và chứng minh thư để trong tủ quần áo nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền để chi tiêu. Ngày 31/8/2018, bị cáo đến phòng giao dịch Q - C Thái Nguyên, đưa sổ tiết kiệm và chứng minh thư mang tên Nguyễn Thị Mai H cho anh Đào Nguyên L là nhân viên ngân hàng để rút tiền. Anh L có đối chiếu chứng minh thư sau đó làm thủ tục cho bị cáo rút 40.017.000 đồng (gồm 40.000.000 đồng tiền gốc và 17.000 đồng tiền lãi), bị cáo ký tên Nguyễn Thị Mai H vào các giấy tờ do anh L đưa.

Ngày 12/10/2018, bị cáo đến tại trụ sở chính C Thái Nguyên, đưa sổ tiết kiệm và chứng minh thư của chị H cho chị Hoàng Thị T là nhân viên ngân hàng để rút hết số tiền còn lại là 195.153.000 đồng (gồm 190.000.000 đồng tiền gốc, 5.153.000 đồng tiền lãi). Chị T không nghi ngờ gì và làm thủ tục cho bị cáo rút

tiền, bị cáo ký tên H vào các giấy tờ do chị T đưa. Đến ngày 13/10/2018 thì chị H phát hiện ra bị mất tiền, bị cáo sợ nên không giám nhận mình là người đã rút tiền của chị H tại ngân hàng. Bị cáo đã tự nguyện để chồng vay mượn tiền để trả cho ngân hàng.

Trong đơn xin xử vắng mặt, bà Phạm Thị Minh N đại diện theo ủy quyền của bị hại trình bày: gia đình bị cáo đã giao nộp đủ số tiền đã chiếm đoạt và cơ quan điều tra đã bàn giao lại số tiền đó cho Ngân hàng. Ngân hàng C Thái Nguyên đã trả lại toàn bộ số tiền cho bà Nguyễn Thị Mai H...Ngân hàng C Thái Nguyên không có yêu cầu gì khác đối với bị cáo Phạm Thị S và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xem xét, giúp đỡ, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở mức thấp nhất để bị cáo S có cơ hội cùng gia đình chăm sóc mẹ già, nuôi dạy con cái để trở thành công dân tốt cho xã hội.

Chị Nguyễn Thị Mai H trình bày: Bị cáo là em dâu, sau khi phát hiện mất tiền, chị không dám nghi ngờ cho ai, chỉ đi trình báo ngân hàng đề nghị phong tỏa tài sản thì được biết tiền đã bị rút hết. Khi ngân hàng trích xuất camera thì biết Phạm Thị S là người rút tiền nên chị đã rút đơn gửi ngân hàng. Sau này ngân hàng đã trả lại số tiền 235.000.000đ, chị không có yêu cầu khác. Chị tưởng sự việc đã xong, không nghĩ em mình bị truy tố, xét xử. Chị xin Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho Phạm Thị S vì chị đã đi lấy chồng, mọi việc trong gia đình bên ngoại đều do em dâu chị gánh vác.

Anh Nguyễn Văn T trình bày: Sau khi biết vợ anh là người lấy tiền của chị Nguyễn Thị Mai H, anh đã vay mượn đủ số tiền 235.000.000đ để trả cho ngân hàng. Anh không đề nghị bị cáo trả lại số tiền trên. Hoàn cảnh gia đình anh khó khăn, mẹ già, con nhỏ, bản thân anh làm bảo vệ nên thường xuyên vắng nhà, mọi công việc trong gia đình như chăm sóc mẹ già, con nhỏ... đều do vợ anh đảm nhận nên đề nghị giảm nhẹ mức án cho Phạm Thị S.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố Thái Nguyên trình bày bản luận tội giữ nguyên quan điểm đã truy tố đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Phạm Thị S, phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS 2015; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS năm 2015 xử phạt Phạm Thị S từ 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: đã giải quyết xong; về án phí bị cáo phải nộp theo quy định.

Trong phần tranh luận bị cáo không tranh luận, chỉ xin HĐXX xét xem cho được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên, Kiểm sát viên khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các Quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại BLTTHS. Quá trình điều

tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện đúng pháp luật.

[2]. Xét lời khai nhận của bị cáo là khách quan phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và phù hợp với những chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đã có đủ cơ sở để xác định:

Bị cáo Phạm Thị S và bà Nguyễn Thị Mai H là chị chồng em dâu. Bà H thường xuyên gửi chìa khóa nhà cho Phạm Thị S để nhờ trông coi. Do đó bị cáo biết bà H có 01 sổ tiết kiệm số CA041156XX trong đó có số tiền gốc là 230.000.000 đồng gửi tại Ngân hàng C Thái Nguyên nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền đó. Để thực hiện, ngày 31/8/2018, bị cáo đã đến phòng giao dịch Q - C Thái Nguyên thuộc tổ E, phường TL, thành phố TH, bị cáo đã giả danh chủ sở hữu là bà H, đưa sổ tiết kiệm số CA041156XX và chứng minh thư của bà H, làm cho nhân viên ngân hàng tưởng giả là thật đã giao cho S số tiền 40.017.000 đồng.

Ngày 12/10/2018, cũng bằng thủ đoạn trên, bị cáo đến trụ sở chính C Thái Nguyên thuộc tổ K, phường H, thành phố TH, chiếm đoạt hết số tiền còn lại trong sổ tiết kiệm là 195.153.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của Ngân hàng C Thái Nguyên là 235.170.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Trong vụ án này bị cáo chiếm đoạt số tiền trên 200.000.000đ nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS. Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của tổ chức tín dụng được pháp luật bảo vệ, gây bức xúc cho nhân dân, ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự, trị an tại địa phương. Hành vi của bị cáo cần thiết phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy:

Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện cùng với gia đình đã bồi thường xong cho bị hại nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị hại có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo có một tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 và một tình tiết giảm nhẹ khác ở khoản 2 Điều 51 BLHS (một tình tiết giảm nhẹ đã đối trừ một tình tiết tăng nặng) nên có

cơ sở để xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, cải tạo tu dưỡng tốt để trở thành người lương thiện.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có tài sản gì nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 5 Điều 174 cho bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo đã cùng với gia đình bồi thường 235.000.000đ cho bị hại; bị hại đã hoàn trả số tiền trên cho chị Nguyễn Thị Mai H là người liên quan nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6]. Án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ”.

1. Căn cứ vào điểm a, khoản 3, Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS năm 2015 xử phạt:

- Phạm Thị S 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

2. Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo Phạm Thị S đã hoàn trả cho Ngân hàng C chi nhánh Thái Nguyên số tiền 235.000.000đ (hai trăm ba mươi lăm triệu đồng) và Ngân hàng C chi nhánh Thái Nguyên đã hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Mai H số tiền 235.000.000đ (hai trăm ba mươi lăm triệu đồng).

4. Án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí HSST vào ngân sách nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày; kể từ ngày tuyên án đối với bị cáo và người có quyền lợi liên quan; kể từ ngày bị hại nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- Sở Tư pháp tỉnh TN;
- Công an TPTN;
- THADS TPTN;
- Bị cáo, BH, NLQ;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hà